

Bản án số : 1352/2019/HNGĐ-ST

Ngày : 29/11/2019

V/v : “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Lê Huệ Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Xuyên

2/ Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

Thư ký Phiên tòa: Bà Lê Thủy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhận dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia Phiên tòa: Bà Lê Mộng Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 886/2019/LHST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 về “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 327/2019/QĐXX- HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn Phiên tòa số 418/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Đình Kim P, sinh năm 1977

Thường trú: số 290/12E đường N, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Tạm trú: số 16/29 đường L, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

(Có đơn yêu cầu vắng mặt)

Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1958

Thường trú: số 290/12E đường N, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

(Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam T17 Bộ Công An)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 25/7/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Đình Kim P trình bày:

Bà và ông Lê Văn T tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01/2007 cấp ngày 26/01/2007. Trong thời gian chung sống có 02 con chung tên Lê Gia Th, sinh ngày 31/7/2007 và Lê Phạm G, sinh ngày 27/5/2009.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, ông T thường vắng nhà, không phụ bà trong việc chăm sóc con cái. Đến ngày 23/11/2012, ông

T bị bắt và tạm giam tại Trại tạm giam T17 Bộ Công An. Ngày 15/12/2017, bị Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh xử phạt chung thân về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Đưa hối lộ. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Gia Th, sinh ngày 31/7/2007 và Lê Phạm G, sinh ngày 27/5/2009. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai tại Trại tạm giam T17 Bộ Công An ngày 30/9/2019, ông Lê Văn T trình bày:

Ông và bà Phạm Đình Kim P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01/2007 cấp ngày 26/01/2007 và có 02 con chung tên Lê Gia Th, sinh ngày 31/7/2007 và Lê Phạm G, sinh ngày 27/5/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến ngày 23/11/2012, ông T bị bắt tạm giam và bị Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh xử phạt chung thân về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Đưa hối lộ. Từ khi bị tạm giam đến nay tình cảm vợ chồng cũng xa cách dần. Từ tháng 12/2017 đến nay bà P cũng không còn lên trại thăm ông nữa. Nay đối với yêu cầu ly hôn của bà P ông đồng ý vì nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và khả năng đoàn tụ không có.

Về con chung: Ông đồng ý giao bà P trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Gia Th, sinh ngày 31/7/2007 và Lê Phạm G, sinh ngày 27/5/2009. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết

Tại Phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà P có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện.

Bị đơn ông T có yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại Phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định của pháp luật; Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn bà P yêu cầu ly hôn bị đơn ông T có nơi cư trú tại Quận 3, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại Phiên tòa; Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn Phiên tòa và Giấy triệu

tập để tham gia Phiên tòa và bị đơn cũng có yêu cầu được vắng mặt tại các buổi xét xử của Tòa nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn 22, quyền số 01/2007 cấp ngày 26/01/2007 của Ủy ban nhân dân phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T là hợp pháp.

Căn cứ Biên bản lấy lời khai tại Trại tạm giam T17 Bộ Công An ngày 30/9/2019 thể hiện ý kiến của ông T đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà P nên xét đời sống chung của cả hai không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng quy định tại Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) thì bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Đình Kim P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Đình Kim P được ly hôn với ông Lê Văn T.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Gia Th, sinh ngày 31/7/2007 và Lê Phạm G, sinh ngày 27/5/2009 cho bà Phạm Đình Kim P trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014545 ngày 08/8/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận :

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- UBND phường Phú Thọ Hòa,
quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa Pên tòa

Lê Huệ Chi